

Bản án số: 21/2022/HS-PT
Ngày 16-02-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp;

Ông Phạm Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phổ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Chàm Gia T, do có kháng cáo của bị cáo Chàm Gia T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh N.

Bị cáo có kháng cáo

Họ và tên: **Chàm Gia T**, sinh năm 1970 tại Tây Ninh; nơi cư trú: Tổ 7, ấp C, xã D, huyện T, tỉnh N; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Chăm; giới tính: Nam; tôn giáo: Hồi giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chàm A M (đã chết) và bà Thị M (đã chết); vợ tên Cao Thị L; con có 03 người: lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chàm Gia T là người vận chuyển thuê các xe thanh lý qua Campuchia cho một người tên là N ở xã D, huyện T, tỉnh N. Vào khoảng tháng 8-2020, N đặt vấn đề với T vận chuyển xe mô tô có nguồn gốc do trộm cắp mà có từ Thành phố Hồ Chí Minh về huyện T cho N, tiền công vận chuyển mỗi chiếc xe là 500.000 đồng, T đồng ý và vận chuyển thuê cho N. Đến tháng 10-2020, N kêu T thuê

người khác để vận chuyển xe mô tô có nguồn gốc do trộm cắp mà có, còn T làm nhiệm vụ quản lý, T đồng ý. Chàm Gia T biết Thị P đang thất nghiệp nên T đặt vấn đề thuê Thị P vận chuyển xe mô tô có nguồn gốc do trộm cắp mà có từ khu vực Thành phố Hồ Chí Minh về huyện C, tiền công T sẽ trả cho Thị P 500.000 đồng/chiếc, Thị P đồng ý. Ngày 07-11-2020, T điện thoại cho Thị P đến khu vực chợ D thuộc huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh để nhận vận chuyển xe mô tô do trộm cắp mà có về cho T. Khi đến khu vực chợ D, Thị P điện thoại báo cho T biết địa điểm đang đợi, sau đó T điện thoại cho người tên T (không rõ nhân thân) đến giao cho Thị P một xe mô tô nhãn hiệu Sirius màu đỏ đen. Sau khi nhận xe xong, Thị P vận chuyển xe mô tô trên đến khu vực thị trấn C, huyện C, rồi thông báo cho T, sau đó T thông báo lại cho N biết kêu người đến nhận xe giao lại cho người tên T (không rõ nhân thân). Sau khi T nhận được xe, T kêu Thị P tiếp tục đến khu vực chợ D gặp người tên T để nhận xe mô tô có nguồn gốc do trộm cắp mà có vận chuyển về giao cho T. Tại đây, Thị P được người tên T giao cho một xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh, gắn biển số 59D1-781.44, có số khung: RLHJA3916KY330681, số máy: JA39E-1195620. Khi nhận xe, Thị P biết rõ xe mô tô có nguồn gốc do trộm cắp mà có. Thị P vận chuyển xe mô tô trên về đến khu vực thuộc ấp T, xã P, huyện C, tỉnh N thì bị Công an huyện T tiến hành kiểm tra phát hiện và thu giữ tang vật.

Kết quả xác minh xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh, gắn biển số 59L1-781.44 có số khung: RLHJA3916KY330681, số máy: JA39E-1195620, có biển số thật 67G1-646.61 của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, ngụ ấp H, xã H, huyện H, tỉnh A, bị mất trộm vào ngày 03-11-2020, tại khu Cát T – Phú S thuộc ấp H, xã Đức H, huyện H, tỉnh A.

Đối với người tên N kết quả xác minh là Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1963, ngụ ấp 3, xã D, huyện C, tỉnh N, nhưng bà N không thừa nhận việc thuê Chàm Gia T, Thị P vận chuyển xe có nguồn gốc do trộm cắp mà có.

Quá trình điều tra, Chàm Gia T đã bỏ trốn nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh N ra Quyết định truy nã. Đến ngày 12-8-2021, T đến Công an xã H, huyện L, tỉnh N đầu thú và đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá số 02/KL-HĐĐG, ngày 11-01-2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh, gắn biển số 59D1-781.44, có số khung: RLHJA3916KY330681, số máy: JA39E-1195620 tại thời điểm ngày 07-11-2020 có giá trị 13.333.000 đồng.

Kê biên tài sản: Bị can Chàm Gia T không có tài sản nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 16-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh N đã quyết định, căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s

khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Chàm Gia T 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành án tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo của bị cáo theo luật định.

Ngày 30-11-2021, bị cáo Chàm Gia T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Chàm Gia T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh trình bày quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Chàm Gia T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xử phạt bị cáo 01 năm tù là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, không nặng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, xét thấy bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh N ra lệnh truy nã, căn cứ vào khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên không có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện làm để nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chàm Gia T bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh N xét xử vào ngày 16-11-2021; ngày 30-11-2021, Chàm Gia T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Đơn kháng cáo của bị cáo hợp lệ, phù hợp với quy định tại Điều 322, Điều 333 của Bộ luật Tố Tụng hình sự.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo Chàm Gia T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ xác định:

[2.1] Chàm Gia T, là người vận chuyển thuê xe có nguồn gốc do phạm tội mà có cho một người tên N ở chợ D, huyện C, tỉnh N. Vận chuyển từ Thành phố Hồ Chí Minh về giao cho N tại thị trấn C, huyện C, tỉnh N. Sau đó, theo yêu cầu của N, T thuê Thị P làm nhiệm vụ vận chuyển xe do phạm tội mà có, T làm nhiệm vụ quản lý việc vận chuyển xe của Thị P, tiền công vận chuyển N trả cho Chàm Gia T 500.000 đồng/01 xe và giao tiền cho T trả cho Thị P 500.000 đồng/01 xe. Ngày 07-11-2021, Thị P đến khu vực chợ D thuộc huyện M, Thành phố Hồ Chí Minh nhận từ 01 người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) 01 mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh, gắn biển số 59L1-781.44 có số khung: RLHJA3916KY330681, số máy: JA39E-1195620, sau đó Thị P vận chuyển về huyện C, tỉnh N để giao lại cho Chàm Gia T, khi Thị P vận chuyển về đến khu vực ấp T, xã P, huyện C thì bị Công an huyện C phát hiện thu giữ tang vật.

[2.2] Kết quả điều tra, xác minh xác định xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh, gắn biển số 59L1-781.44 có số khung: RLHJA3916KY330681, số máy: JA39E-1195620, có biển số thật 67G1-646.61 của anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990, ngụ ấp H, xã Đức H, huyện H, tỉnh A, bị mất trộm vào ngày 03/11/2020, tại khu Cát T – Phú S thuộc ấp H, xã H, huyện H tỉnh A.

[2.3] Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không xác định được người thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh, gắn biển số 59L1-781.44 có số khung: RLHJA3916KY330681, số máy: JA39E-1195620, có biển số thật 67G1-646.61. Cơ quan điều tra cũng không xác định được người tên T giao xe này Thị P để Thị P vận chuyển về N giao cho T.

[2.4] Cấp sơ thẩm chỉ căn cứ lời khai của T khai nhận: trong khoảng thời gian từ tháng 10-2020 đến ngày 07-11-2020, Chàm Gia T cùng với Thị P đã vận chuyển được 11 xe mô tô có nguồn gốc do trộm cắp mà có cho người tên N và thuê Chàm Sây Lây M vận chuyển 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave alpha màu trắng, gắn biển số 66L1-020.56 không rõ nguồn gốc từ Thành phố Hồ Chí Minh về huyện C bị bắt vào ngày 16-11-2020 để quy kết Chàm Gia T phạm tội “Trộm cắp tài sản” là không đủ căn cứ.

[2.5] Chàm Gia T và Thị P đều biết rõ xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh, gắn biển số 59L1-781.44 là do phạm tội mà có nhưng vẫn vận chuyển thuê đem tiêu thụ. Kết luận định giá số 02/KL-HĐĐG, ngày 11-01-2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện C, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave alpha màu xanh, gắn biển số 59D1-781.44, có số khung: RLHJA3916KY330681, số máy: JA39E-1195620 tại thời điểm ngày 07-11-2020 có giá trị 13.333.000 đồng. Do đó, hành vi của Chàm Gia T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[2.6] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xử bị cáo Chàm Gia T về tội “Tiêu thụ tài sản do người

khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo T là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, đồng thời gây ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội tại địa phương, nên cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Chàm Gia T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: do xét xử bị cáo về tội nhẹ hơn tội mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo, nên xem xét giảm nhẹ 01 phần hình phạt cho bị cáo.

[4.2] Về kháng cáo xin được hưởng án treo: xét thấy bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh N ra lệnh truy nã; do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo.

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Chàm Gia T; không chấp nhận đề nghị của kiểm sát viên, sửa bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo được chấp nhận một phần, nên bị cáo Chàm Gia T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Chàm Gia T

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 89/2021/HS-ST ngày 16-11-2021 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh N.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Chàm Gia T 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài

sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Chàm Gia T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT 1 (TANDCC);
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện C;
- Công an huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TN;
- Phòng lý lịch STP.TTN;
- Phòng KTNV-THA;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu tập án HSPT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Văn Ngẫu

Nơi nhận:

- Phòng GDKT1 (TANDTC)
- VKSND tỉnh Tây Ninh
- Phòng KTNV&THA
- TAND huyện Châu Thành
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Công an huyện Châu Thành;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Ngẫu